



Chương III

PHÂN LOẠI THỨC ĂN VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC LOẠI THỨC ĂN THƯỜNG DÙNG TRONG CHĂN NUÔI

Môn học: Thức ăn và dinh dưỡng gia súc



Phân loại thức ăn

- **3.1.1. Phân loại theo nguồn gốc của thức ăn**
- **3.1.2. Phân loại theo thành phần dinh dưỡng của thức ăn**
- **3.1.3. Phân loại theo giá trị dinh dưỡng của thức ăn**
- **3.1.4. Phân loại theo tính chất hoá học của thức ăn**

3.1.1. Phân loại theo nguồn gốc của thức ăn

- Các loại thức ăn xanh như: rau, bèo, cỏ tự nhiên tươi xanh...
 - + Thức ăn rễ củ, quả như: bầu, bí, khoai, sắn ...
 - + Thức ăn hạt hoà thảo như: ngô, gạo, mì, mạch...
 - + Thức ăn họ đậu như: lạc, đỗ tương...
- Sản phẩm phụ ngành nông nghiệp: cám, bã khoai, bã sắn...
- Sản phẩm phụ ngành công nghiệp chế biến dầu thực vật: khô dầu lạc, vừng, dứa...
- Sản phẩm phụ chế biến bia rượu: bống bia, bã rượu...
- Sản phẩm phụ ngành trồng trọt: thân rơm rạ, ngô, ngọn mía...
- Sản phẩm ngành chế biến đường: bã mía, rỉ mật đường
- Sản phẩm ngành chế biến hoa quả: vỏ dứa...



*** Thức ăn có nguồn gốc động vật**

- Sản phẩm phụ ngành chế biến sữa: bơ, sữa...
- Sản phẩm phụ lò sát sinh: Bột máu, bột thịt, bột xương...
- Sản phẩm phụ ngành thủy sản: bột cá, xác mắm, bột đầu tôm,...
- Sản phẩm phụ khác: ốc, giun, ròi...

3.1.2. Phân loại theo thành phần dinh dưỡng của thức ăn

- **Nhóm thức ăn giàu protein:** Loại thức ăn có hàm lượng protein từ bao nhiêu trở lên được gọi là thức ăn giàu protein: là các loại thức ăn có hàm lượng protein từ 14% trở lên
- **Nhóm thức ăn giàu lipid:** là các loại thức ăn có hàm lượng lipid từ 20% trở lên
- **Nhóm thức ăn giàu glucit:** là các loại thức ăn có hàm lượng glucit từ 50% trở lên
- **Nhóm thức ăn nhiều nước:** là các loại thức ăn có tỷ lệ nước trên 75%

3.1.2. Phân loại theo thành phần dinh dưỡng của thức ăn

- **Nhóm thức ăn nhiều xơ:** là các loại thức ăn có tỷ lệ xơ trên 30%
- **Nhóm thức ăn giàu khoáng:** bột xương, bột vỏ sò
- **Nhóm thức ăn giàu vitamin:** dầu cá, nấm men...
- **Thức ăn bổ sung khác:** kháng sinh, hormon...



3.1.3. Phân loại theo giá trị dinh dưỡng của thức ăn

- Tính theo giá trị dinh dưỡng trong một kg thức ăn để chia thức ăn tinh và thức ăn thô.
- 1kg có giá trị dinh dưỡng nhỏ hơn 0,45 đơn vị tinh bột gọi là thức ăn thô, từ 0,45 ĐVTĂ trở lên là thức ăn tinh.

3.1.4. Phân loại theo tính chất hoá học của thức ăn

- Dựa vào sự phân giải cuối cùng của thức ăn trong cơ thể động vật mang tính chất gì.
- Nếu có tính chất kiềm thì gọi là thức ăn kiềm tính, còn có tính chất toan thì gọi là thức ăn toan tính.
- Thức ăn xanh, thức ăn ủ xanh là những thức ăn kiềm tính, chúng thích hợp cho gia súc tiết sữa
- Thức ăn giàu protein và các muối khoáng (trừ bột sữa, bột cưa, mầm) là những thức ăn toan tính, chúng thích hợp cho đực giống.



Hạt hoà thảo và phụ phẩm của chúng

- **3.2.1. Thành phần hoá học**
- **3.2.2. Axit amin**
- **3.2.3. Khoáng**
- **3.2.4. Vitamin**
- **3.2.5. Sử dụng hạt hoà thảo và phụ phẩm trong chăn nuôi**

Để thấy được thành phần hoá học trong thức ăn hạt hoà thảo ta xem ví dụ về chất dinh dưỡng trong một số hạt hoà thảo sau:

Bảng 1.3: Thành phần hoá học của một số hạt hoà thảo và phụ phẩm của chúng

Tên thức ăn	NLTD Kcal/kg	PTH g/kg	Tỷ lệ các chất dinh dưỡng (%)						
			H ₂ O	Pr	Lipit	Xơ	G	Ca	P
Ngô đỏ	3283	73	12.1	9.4	4.5	1.7	67.7	0.10	0.30
Ngô vàng	3295	65	12.5	8.3	5.1	4.1	68.4	0.25	0.29
Gạo tẻ	3372	74	12.4	8	0.9	0.4	77.4	0.08	0.20
Cao lương	3055	66	11.2	10.9	4.0	2.9	68.5	0.03	0.35
Mỳ	3295	100	13	13.2	2.2	2.7	67.1	0.04	0.39
Cám gạo	2742	83	14	12.9	13.6	8.6	41.1	0.08	1.08
Cám ngô	2861	78	15	9.9	5.2	2.1	64.8	0.06	0.44
Cám Mỳ	2413	114	12.5	14.5	4.3	10.2	54	0.12	0.92